

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 321/NQ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên tại Công văn số 2605/CVAVPY ngày 26 tháng 5 năm 2023 và kèm theo hồ sơ Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Trang trại nuôi heo nái sinh sản Anh Vũ đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Đoàn kiểm tra ngày 09 tháng 6 năm 2023 (kèm theo Công văn số 310823/CV-AVPY ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 587/TTr-STNMT ngày 21 tháng 9 năm 2023 và Văn bản số 4153/STNMT-MT ngày 25 tháng 10 năm 2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên, địa chỉ tại thôn Kinh tế 2, xã Ea Trol, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án “Trang trại nuôi heo nái sinh sản Anh Vũ” tại xã Ea Trol, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

- 1.1. Tên dự án: Trang trại nuôi heo nái sinh sản Anh Vũ.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Ea Trol, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401054144 do phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Phú Yên cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/9/2018, thay đổi lần 4 ngày 30/12/2020.
- 1.4. Mã số thuế: 4401054144.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư trang trại nuôi heo nái sinh sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất dự án: Diện tích 124.011m². Quy mô dự án thuộc Nhóm B theo quy định Luật Đầu tư công. Công suất hoạt động: Chăn nuôi khoảng 5.000 heo nái sinh sản, cung cấp ra thị trường khoảng 11.000 heo con/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường khi xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép).

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sông Hinh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên;
- Các Sở: TNMT, NNPTNT, XD, KHĐT;
- UBND huyện Sông Hinh;
- UBND xã Ea Trol;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT, To, Thy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyễn Thảo

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 74 /GPMT-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 2: Nước thải nhà bếp.
- Nguồn số 3: Nước thải chăn nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý một phần tái sử dụng trong khuôn viên trang trại một phần xả ra suối cạn.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại hố ga đầu nối vào suối cạn bằng ống uPVC 168mm nằm phía Bắc của Dự án; có tọa độ (theo hệ VN-2000, kinh tuyến 108, múi chiều 3⁰): X=1430249.45 (m), Y=545181.49 (m).

2.3. Lưu lượng nước xả nước thải tối đa: 400 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức vào hố ga sau đó từ hố ga tự chảy ra suối cạn.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải:

Theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột A, Kq= 0,9; Kf= 0,9), cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | ĐVT | Giá trị giới hạn (QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột A, Kq= 0,9; Kf= 0,9) | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|--------------------|---------------------|---|----------------------------|--|
| 1 | pH | - | 6 - 9 | 03 tháng/lần | Thực hiện quan trắc định kỳ hoặc quan trắc tự động liên tục theo Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ |
| 2 | BOD ₅ | mg/l | 32,4 | | |
| 3 | COD | mg/l | 81 | | |
| 4 | TSS | mg/l | 40,5 | | |
| 5 | Tổng Nitơ (theo N) | mg/l | 40,5 | | |
| 6 | Tổng Coliforms | MPN hoặc CFU/100 ml | 3.000 | | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh trong dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Nước thải được thu gom như sau:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn bằng ống nhựa D114 kết nối vào hệ thống thu gom chính dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ sẽ được dẫn bằng ống nhựa D114 kết nối vào hệ thống thu gom chính dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ vệ sinh chuồng trại, nước thải từ nhà ép phân, nước rỉ từ nhà chứa phân, nước từ bồn giải nhiệt hệ thống xử lý khí thải... được dẫn bằng ống nhựa D168, D250 kết nối vào hệ thống thu gom chính dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt, nhà bếp đã qua xử lý sơ bộ, nước thải sản xuất → Bể lắng và thu hồi phân → Bể thu nước sau khi tách phân → Hầm biogas → Bể thu sau hầm biogas → Hồ lắng sinh học 1 → Hồ lắng sinh học 2 → Hồ điều hòa và đuổi anoni → Keo tụ bậc 1 → Bể tạo bông bậc 1 → Bể lắng hóa lý bậc 1 → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ bậc 2 → Bể tạo bông bậc 2 → Bể lắng hóa lý bậc 2 → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hồ sinh học chứa nước thải đã xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$ → một phần xả ra suối cạn, một phần tái sử dụng trong khuôn viên trang trại (việc tái sử dụng phải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật cho các mục đích tái sử dụng, trường hợp tái sử dụng để tưới cây phải thực hiện theo yêu cầu của Thông tư số 28/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng).

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất xút nâng pH, Dinh dưỡng, PAC, Polimer, Chlorine.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2 Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Hồ ga trước khi thải ra suối cạn.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: pH; BOD5; COD; TSS; Tổng N; tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn: QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

| Thời gian thực hiện | Tần suất quan trắc | Vị trí lấy mẫu | Thông số | Phương pháp lấy mẫu |
|---|---|--|---|---------------------|
| Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của Hệ thống xử lý nước thải | | | | |
| Ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm | Tối thiểu 15 ngày/lần | 02 vị trí: - Đầu vào Hệ thống xử lý nước thải; - Đầu ra Hệ thống xử lý nước thải | pH; BOD ₅ ; COD; Tổng chất rắn lơ lửng; Tổng Nitơ (theo N); Tổng Coliforms | Lấy mẫu tổ hợp |
| Giai đoạn vận hành ổn định của Hệ thống xử lý nước thải | | | | |
| Ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh | Ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp) | 02 vị trí: - Đầu vào Hệ thống xử lý nước thải; - Đầu ra Hệ thống xử lý nước thải | pH; BOD ₅ ; COD; Tổng chất rắn lơ lửng; Tổng Nitơ (theo N); Tổng Coliforms | Lấy mẫu đơn |

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *34* /GPMT-UBND
ngày *30* tháng *10* năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ lò đốt xác động vật (thiêu).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Miệng ống khói cao 20m; có tọa độ (theo hệ VN-2000, kinh tuyến 108, múi chiều 3⁰): X=1430212.30 (m), Y=545196.02 (m).

- Lưu lượng khí thải tối đa: 6.500 m³/giờ.

- Dòng khí thải: 01 dòng.

2.2. Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức thông qua quạt hút ly tâm 1,5kW.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 30:2012/BTNMT cột B | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|-----------------|--------------------|--------------------------------|----------------------------------|--|
| 1 | Bụi | mg/Nm ³ | 100 | 03 tháng/lần | Không thuộc đối tượng quan trắc tự động theo điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ |
| 2 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 250 | | |
| 3 | CO | mg/Nm ³ | 250 | | |
| 4 | NO _x | mg/Nm ³ | 500 | | |

Ghi chú: Thực hiện quan trắc định kỳ khí thải nêu tại Bảng trên để các bên liên quan theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải.

2.4. Nguồn tiếp nhận khí thải: Môi trường không khí xung quanh khu vực hoạt động của trang trại.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

- Biện pháp hạn chế phát tán mùi hôi từ quá trình chăn nuôi heo:

+ Tại các khu vực xung quanh, chủ dự án bố trí quạt thông gió để hút khí thải và khử mùi trong khu vực trang trại.

+ Mùi hôi từ sau các dãy chuồng: Sử dụng khung sắt và lưới lan che quạt hút phía sau, trên tấm lưới bố trí vòi phun sương để phun chế phẩm sinh học EM nhằm khử mùi, bố trí khoảng cách 1 mét 1 péc phun. Trồng các loại cây xanh dọc các đường nội bộ đi lại, cây xanh bao xung quanh các vị trí phát sinh mùi hôi để hạn chế mùi hôi phát tán ra ngoài môi trường.

+ Đối với mùi từ hệ thống thoát nước thải, hầm biogas, hồ lắng sinh học, hồ kết hợp hồ điều hòa và đuôi khí amoni Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau để giảm mùi: sử dụng các hóa chất khống chế mùi thuộc các dạng: Thuốc ngụy trang, chất trung hòa mùi, những hóa chất hấp phụ mùi, những sản phẩm enzym nhằm thay đổi những hoạt động sinh học có khả năng khống chế mùi, thường sử dụng chế phẩm EM và trang bị hệ thống quạt hút hoạt động liên tục làm cho độ ẩm trong thực phẩm và phân heo, nước tiểu heo từ đó làm cho mùi trong nước thải tại các hồ chứa và hệ thống xử lý giảm đi đáng kể.

+ Tại khu vực ép phân, kho lưu trữ phân sau khi tách ép phân: Phân sau khi ép khô được cho vào bao và vận chuyển về kho chứa phân có mái che, tường xây gạch bao kín để bảo quản và hạn chế mùi phát tán ra môi trường.

+ Xây dựng hầm biogas để xử lý chất thải. Khí biogas được sử dụng cho lò đốt xác động vật.

- Đầu tư lò đốt xác động vật (đốt xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai) tích hợp với hệ thống xử lý khí thải. Công suất: 300kg/m² (khoảng 100kg/giờ). Khí thải sau xử lý đạt QCVN 30:2012/BTNMT, cột B, khí sau xử lý được thải ra môi trường qua ống khói cao 20m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Sử dụng 01 lò đốt chất thải (thiêu) để đốt xác động vật chết không do dịch bệnh và nhau thai. Quy trình hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò đốt như sau:

Lò đốt → Bồn giảm nhiệt → Quạt hút → Tháp hấp thụ khí thải bằng NaOH phun sương → Ống khói cao 20m → Khí thải đạt QCVN 30:2012/BTNMT, cột B.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Lò đốt dùng khí biogas thuộc đối tượng miễn vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Trang trại bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 77H /GPMT-UBND
ngày 30 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở chủ yếu như sau: Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải; Hộp mực in; Bao bì cứng thải, dược phẩm hết hạn (thuốc thú y thải), dụng cụ thú y thải... với khối lượng phát sinh 535kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chủ yếu từ phân heo khoảng 2-8 tấn/ngày, nhau thai, xác heo chết không do dịch bệnh khoảng 189kg/ngày, bùn thải khoảng 25-50kg/ngày, bao bì đựng thức ăn cho heo, bao bì đựng các loại thuốc cho heo khoảng 35-40kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chủ yếu từ thức ăn thừa, chai lọ, bao bì nilon... Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 35kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Tập trung chất thải nguy hại (CTNH) vào thùng chứa riêng đáp ứng các yêu cầu theo quy định như: có kết cấu cứng, chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng trong quá trình sử dụng, có nắp đậy, có dán nhãn báo chất thải nguy hại...

2.1.2. *Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:*

- Khu chứa chất thải nguy hại có diện tích 15m², kho kín, xây bằng tường gạch, nền bê tông cao ráo, có mái che, tô trát chống thấm 02 mặt, có rãnh thu và hố thu gom tràn đổ hóa chất, có bảng hiệu kho chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý CTNH.

- Đối với xác heo bị dịch chết: Chủ dự án đã bố trí khu vực phía Đông của Dự án với diện tích khoảng 1.000m² để chôn heo chết trong trường hợp có dịch xảy ra, việc chôn lấp sẽ được thực hiện theo quy định và có sự giám sát chặt chẽ của cơ quan thú y.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:*

- Bao bì đựng thức ăn cho heo, bao bì đựng các loại thuốc: được thu gom, tái sử dụng hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua.

- Phân heo: Được ép tách nước, phân sau ép ở dạng rắn và được đóng bao vận chuyển về nhà chứa phân (kích thước 25x10m). Chủ dự án ký hợp đồng với các đơn vị thu gom để làm phân bón, hạn chế để phân tồn kho trong thời gian dài.



- Nhau thai, xác heo chết không do dịch bệnh: Được đem đốt bằng lò đốt xác heo và nhau thai, công suất lò đốt là 100kg/giờ đảm bảo đốt hết số lượng nhau và xác heo chết phát sinh tại Dự án trong 1 ngày.

- Bùn thải: Bùn sau khi được tách nước được phơi khô, thu gom vào bao và vận chuyển về nhà chứa bùn (bùn thể rắn khô), hợp đồng đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2.2. *Kho/khu vực lưu chứa*: Nhà chứa phân (kích thước 25x10m), có mái che bằng tôn, nền xi măng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt: Chủ dự án bố trí các thùng chứa thích hợp (trang bị thùng rác phù hợp, khoảng 04 thùng rác loại 120 lít) sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, tần suất 03 lần/tuần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phòng ngừa sự cố trong quá trình vận hành hầm biogas:

- Thường xuyên kiểm tra rò rỉ hệ thống đường ống dẫn, các van khóa... của hệ thống hầm biogas để hệ thống hoạt động tốt, tránh sự cố cháy nổ xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra lượng khí trong hầm biogas, nếu khí biogas thừa không sử dụng hết sẽ tiến hành đốt để giảm áp lực của hầm biogas, tránh gây nguy cơ cháy nổ.

- Lắp đặt các biển báo cấm lửa tại khu vực xung quanh hầm biogas.

- Khi phát hiện biogas hoạt động không hiệu quả như bọt phủ bị thủng làm xẹp hầm biogas hoặc chất lượng nước đầu ra hầm biogas cao hơn bình thường, Chủ dự án tiến hành cho hút bùn cặn và cho hàn vá các vị trí bị thủng để hầm biogas hoạt động hiệu quả.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố do hệ thống xử lý môi trường (nước thải, khí thải, thu gom nước mưa):

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải phải tuân thủ nghiêm quy trình kỹ thuật, theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước, kịp thời phát hiện nếu có sự cố; khi có sự cố xảy ra cần phải xử lý kịp thời, khắc phục sự cố.

- Cung cấp vật tư, men vi sinh, hóa chất cần thiết cho quá trình xử lý nước thải; phân bổ nguồn kinh phí hợp lý hằng năm cho hoạt động vận hành và xử lý nước thải.

- Định kỳ kiểm tra sự rò rỉ và tắc nghẽn các đường ống, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Vận hành hệ thống xử lý liên tục 24/24 để đảm bảo môi trường sống cho vi sinh vật.

- Thường xuyên thu gom rác thải nhằm hạn chế rác bị cuốn theo nước mưa xuống cống rãnh làm tắc nghẽn, gây vỡ đường ống.

- Nhân viên môi trường vệ sinh định kỳ đường ống dẫn nước mưa, nạo vét bùn thải để dòng thải được lưu thông, không gây nghẹt ống.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố do dịch bệnh:

- Phương án phòng ngừa dịch bệnh đối với heo: Chương trình vệ sinh phòng dịch của khu trại được thực hiện nghiêm ngặt và đúng theo các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 quy định về Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 quy định về Kiểm soát giết mổ và Kiểm tra vệ sinh thú y; số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Phương án chống lây lan khi có dịch bệnh đối với heo:


+ Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường, vệ sinh thú y cho mỗi nhân viên trong trại chăn nuôi. Thực hiện thường xuyên và có khóa học các chương trình vệ sinh, quản lý môi trường.

+ Khi phát hiện dịch bệnh, Trại sẽ áp dụng các biện pháp: Cách ly những con có triệu chứng nhiễm bệnh để theo dõi (tại khu vực chuồng cách ly); lập tức báo cho chính quyền địa phương, Chi cục Chăn nuôi và Thú y (giám sát, hướng dẫn lấy mẫu xét nghiệm để xác định nguyên nhân gây bệnh và có biện pháp điều trị).

+ Tiêm ngừa, thực hiện các biện pháp phòng bệnh thích hợp cho heo ở những dãy chuồng liền kề với chuồng có heo bị bệnh; tăng cường các biện pháp vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, bổ sung vitamin tăng cường sức đề kháng cho heo; khi heo chết hàng loạt, Trại sẽ báo ngay với Chi cục Chăn nuôi và Thú y để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp vệ sinh.

+ Bố trí lối đi riêng vào khu vực xử lý chất thải để vận chuyển chất thải và phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát các công trình xử lý chất thải của Dự án. Trồng cây xanh tạo hành lang cách ly khu vực xử lý chất thải và khu vực chuồng nuôi.

+ Đăng ký xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh và thực hiện các biện pháp đảm an toàn theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.



PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *TH* /GPMT-UBND
ngày *30* tháng *10* năm 2023 của UBND tỉnh Phú Yên)

Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chịu trách nhiệm về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Thực hiện Chương trình quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.
- Thực hiện các quy định bảo vệ môi trường khác theo báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành Dự án./.